

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 – 09
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 – 12
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13 – 35

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 (sau đây gọi là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước số 2. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1801116600 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã mười ba (13) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Lần thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh gần đây nhất của Công ty là ngày 13 tháng 03 năm 2021 chuẩn y về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đường ống.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Quốc Phục	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Lê Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Thành Thái Lĩnh	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chính	Giám đốc	Bãi nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2021
Ông Trần Thanh Phong	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 02 năm 2021
Ông Phạm Đình Huấn	Phó Giám đốc	-
Bà Trần Thị Kim Xuyên	Phó Giám đốc	Bãi nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Thái	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2020

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Chí Hiếu	Trưởng ban
Bà Đặng Thị Bảo Trân	Thành viên
Bà Phan Thùy Giang	Thành viên

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Quốc Phục – Chủ tịch hội đồng quản trị và ông Trần Thanh Phong – Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH KPM Auditing & Advisory đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính này. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



LÊ QUỐC PHỤC
Chủ tịch

TP. Cần Thơ, ngày 31 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cấp nước Cần Thơ 2 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi được bổ nhiệm kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 của năm 2020 của Công ty vào ngày 26 tháng 03 năm 2021 do đó chúng tôi đã không được chứng kiến việc kiểm kê thực tế hàng tồn kho tại thời điểm đầu năm 2020. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với số lượng hàng tồn kho tại ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "*Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó tại ngày 20 tháng 02 năm 2020.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KPM AUDITING & ADVISORY



TRẦN HOÀNG ANH

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1161-2020-305-1

NGUYỄN KIM HƯƠNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3231-2020-305-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.165.406.092	23.052.406.784
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.021.362.996	1.685.092.636
1. Tiền	111		5.021.362.996	1.685.092.636
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.246.370.394	7.522.558.565
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.640.587.114	1.094.687.361
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.251.705.088	4.137.401.362
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	1.354.078.192	2.290.469.842
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	11.167.681.230	12.821.964.893
1. Hàng tồn kho	141		11.167.681.230	12.821.964.893
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.729.991.472	1.022.790.690
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	98.350.000	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.631.641.472	1.022.790.690
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		196.270.835.753	175.936.139.113
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.579.379.000	2.079.379.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	4.579.379.000	2.079.379.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		174.960.984.984	160.137.989.240
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	174.683.497.091	159.703.355.899
- Nguyên giá	222		454.519.111.491	420.551.681.836
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(279.835.614.400)	(260.848.325.937)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	277.487.893	434.633.341
- Nguyên giá	228		640.127.273	640.127.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(362.639.380)	(205.493.932)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		15.460.919.578	13.718.770.873
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		15.460.919.578	13.718.770.873
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.269.552.191	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.269.552.191	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		219.436.241.845	198.988.545.897

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		59.282.608.621	59.810.725.065
I. Nợ ngắn hạn	310		27.045.120.514	27.023.228.537
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	5.418.796.589	4.702.085.815
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		79.668.038	329.313.922
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	860.345.961	1.308.191.075
4. Phải trả người lao động	314		1.428.389.741	2.806.683.328
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	1.271.166.228	443.667.780
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	17.009.371.847	14.754.939.807
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		977.382.110	2.678.346.810
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		32.237.488.107	32.787.496.528
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	32.237.488.107	32.787.496.528
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

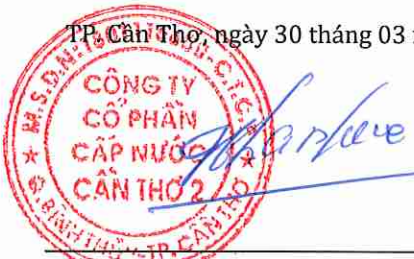
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		160.153.633.224	139.177.820.832
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	160.153.633.224	139.177.820.832
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.733.160.000	117.733.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		117.733.160.000	117.733.160.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.451.078.844	5.451.078.844
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.969.394.380	15.993.581.988
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		15.993.581.988	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		20.975.812.392	15.993.581.988
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		219.436.241.845	198.988.545.897


NGUYỄN PHƯƠNG THẢO
 Người lập biểu


LÊ THÙY NGÂN
 Kế toán trưởng

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 03 năm 2021

TRẦN THANH PHONG
 Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		103.012.154.061	98.273.365.888
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		34.869.998	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	VI.1	102.977.284.063	98.273.365.888
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	62.421.232.632	60.467.699.185
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		40.556.051.431	37.805.666.703
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19.342.606	36.460.833
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.709.499.476	3.440.912.698
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.709.499.476	3.440.912.698
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	12.972.998.625	14.454.640.206
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(25+26)]	30		23.892.895.936	19.946.574.632
11. Thu nhập khác	31	VI.6	620.601.432	145.945.280
12. Chi phí khác	32	VI.7	57.781.210	44.423.934
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		562.820.222	101.521.346
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		24.455.716.158	20.048.095.978
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	3.479.903.766	4.054.513.990
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		20.975.812.392	15.993.581.988
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.782	1.358

NGUYỄN PHƯƠNG THẢO
Người lập biểu

LÊ THÙY NGÂN
Kế toán trưởng

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 03 năm 2021
TRẦN THANH PHONG
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		112.875.850.178	107.572.643.531
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(31.748.755.450)	(29.010.076.480)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(27.321.087.814)	(23.201.926.393)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3.942.242.924)	(3.786.707.348)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(4.046.861.430)	(3.797.332.198)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		128.728.340	44.642.652
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.104.205.799)	(10.708.703.075)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.841.425.101	37.112.540.689
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(35.709.578.360)	(28.815.664.306)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(35.709.578.360)	(28.815.664.306)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.12	27.899.729.066	22.700.633.126
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.12	(26.195.305.447)	(22.853.088.903)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.500.000.000)	(7.875.598.415)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(795.576.381)	(8.028.054.192)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.336.270.360	268.822.191
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1.685.092.636	1.416.270.445
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	5.021.362.996	1.685.092.636

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 03 năm 2021



NGUYỄN PHƯƠNG THẢO
Người lập biểu



LÊ THÙY NGÂN
Kế toán trưởng



TRẦN THANH PHONG
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước số 2. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1801116600 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2010 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã mười ba (13) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Lần thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh gần đây nhất của Công ty là ngày 13 tháng 03 năm 2021 chuẩn y về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

2. Các đơn vị phụ thuộc

Công ty có bốn (04) chi nhánh và đơn vị phụ thuộc gồm:

- Nhà máy cấp nước Cần Thơ 2 tại số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Đội xây lắp số 2 tại số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Chi nhánh cấp nước số 2 tại số 9 Bis, Cách Mạng Tháng Tám, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
- Chi nhánh cấp nước Bình Thủy tại số 205 đường Bùi Hữu Nghĩa, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

3. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch.

4. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đường ống.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là khai thác, xử lý và cung cấp nước trong sản xuất, kinh doanh và cung cấp nước sinh hoạt.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam ("VND"), và được lập theo Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán, Nguyên tắc kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công và ca máy tại các công trình xây dựng đang thi công.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của kỳ hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm

6. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

7. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí trả trước khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.
- Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm khi phát sinh, trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng đã hoàn thành.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	11.899.287	11.346.292
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.009.463.709	1.673.746.344
Cộng	<u>5.021.362.996</u>	<u>1.685.092.636</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng bán nước sinh hoạt	1.395.138.157	851.802.120
Phải thu khách hàng công trình	245.448.957	242.885.241
Cộng	<u>1.640.587.114</u>	<u>1.094.687.361</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Kỹ thuật Đức Hùng	2.058.039.260	-
Công ty TNHH MTV Huỳnh Trân Tân	-	2.685.847.531
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Idico số 10	68.524.562	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Khai Sáng	-	1.414.503.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng 306	-	37.050.831
Các nhà cung cấp khác	125.141.266	-
Cộng	2.251.705.088	4.137.401.362

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	187.113.207	-	732.159.519	-
Phải thu tạm ứng vật tư - Các chi nhánh	1.120.864.244	-	685.438.779	-
Phải thu tạm ứng vật tư - Đội xây lắp	-	-	626.303.973	-
Phải thu khác	46.100.741	-	246.567.571	-
Cộng	1.354.078.192	-	2.290.469.842	-

4b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền nước sinh hoạt	37.886.400	-	37.886.400	-
Tạm ứng cổ tức	4.541.492.600	-	2.041.492.600	-
Cộng	4.579.379.000	-	2.079.379.000	-

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	11.132.150.085	-	12.378.989.067	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	35.531.145	-	442.975.826	-
Cộng	11.167.681.230	-	12.821.964.893	-

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	66.850.000	-
Chi phí trả trước khác	31.500.000	-
Cộng	98.350.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư đầu năm	114.671.796.600	106.102.182.217	190.147.432.504	9.630.270.515	420.551.681.836
Mua mới	66.937.272	4.502.282.636	1.093.315.000	3.742.919.609	9.405.454.517
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.820.417.810	-	17.619.468.872	122.088.456	24.561.975.138
Số dư cuối năm	121.559.151.682	110.604.464.853	208.860.216.376	13.495.278.580	454.519.111.491
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư đầu năm	96.125.779.429	89.532.431.039	69.817.487.852	5.372.627.617	260.848.325.937
Khấu hao	2.836.751.691	2.510.979.621	11.510.365.944	2.129.191.207	18.987.288.463
Số dư cuối năm	98.962.531.120	92.043.410.660	81.327.853.796	7.501.818.824	279.835.614.400
<i>Giá trị còn lại</i>					
Số dư đầu năm	18.546.017.171	16.569.751.178	120.329.944.652	4.257.642.898	159.703.355.899
Số dư cuối năm	22.596.620.562	18.561.054.193	127.532.362.580	5.993.459.756	174.683.497.091

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 120.343.355.676 đồng và 97.677.144. 639 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của của Công ty (xem thuyết minh V.12).

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Khấu hao	Cộng
Số dư đầu năm	640.127.273	205.493.932	434.633.341
Khấu hao trong năm	-	157.145.448	157.145.448
Số dư cuối năm	640.127.273	362.639.380	277.487.893

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ KT Đức Hùng	-	500.650.992
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Xây dựng Bảo Gia	192.128.200	1.526.787.515
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Khai Sáng	2.621.279.404	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng KTB	1.838.483.588	425.489.969
Công ty Cổ phần Công nghệ Bách Việt	392.700.000	1.629.990.000
Các nhà cung cấp khác	374.205.397	619.167.339
Cộng	5.418.796.589	4.702.085.815

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.204.513.990	3.479.903.766	(4.046.861.430)	637.556.326
Thuế thu nhập cá nhân	74.128.945	494.419.827	(376.228.917)	192.319.855
Thuế tài nguyên	29.548.140	369.940.300	(369.018.660)	30.469.780
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	439.480.339	(439.480.339)	-
Cộng	1.308.191.075	4.783.744.232	(5.231.589.346)	860.345.961

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.455.716.158	20.048.095.978
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	59.881.210	224.473.974
- Các khoản điều chỉnh giảm	(473.136.528)	-
Thu nhập chịu thuế	24.042.460.840	20.272.569.952
Thu nhập tính thuế	24.042.460.840	20.272.569.952
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước	142.347.440	-
Thuế TNDN được giảm theo quy định	(1.470.935.842)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.479.903.766	4.054.513.990

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

11. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí bảo vệ môi trường	425.161.436	440.966.834
Phải trả khác	846.004.792	2.700.946
Cộng	1.271.166.228	443.667.780

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	17.009.371.847	17.009.371.847	14.754.939.807	14.754.939.807
Vay ngân hàng	3.202.776.829	3.202.776.829	2.339.434.679	2.339.434.679
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ</i>	3.202.776.829	3.202.776.829	2.339.434.679	2.339.434.679
Vay dài hạn đến hạn trả	13.806.595.018	13.806.595.018	12.415.505.128	12.415.505.128
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱ⁾</i>	4.246.595.018	4.246.595.018	3.367.505.128	3.367.505.128
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱ⁾</i>	9.560.000.000	9.560.000.000	9.048.000.000	9.048.000.000
Vay dài hạn	32.237.488.107	32.237.488.107	32.787.496.528	32.787.496.528
Vay ngân hàng	32.237.488.107	32.237.488.107	32.787.496.528	32.787.496.528
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱ⁾</i>	25.167.642.383	25.167.642.383	19.717.650.804	19.717.650.804
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱ⁾</i>	7.069.845.724	7.069.845.724	13.069.845.724	13.069.845.724
Cộng	49.246.859.954	49.246.859.954	47.542.436.335	47.542.436.335

(i) Các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng vay vốn đầu tư số 40/2017-HĐCVDADT/NHCT820 ngày 31 tháng 03 năm 2017. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Nâng cấp cải tạo tuyến ống cấp nước tỉnh lộ 918 - Giai đoạn II". Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp động sản số 39/KHDN/2017 ngày 31 tháng 03 năm 2017: Tuyến ống cấp nước D300 gang và D63 HDPE lắp đặt tại địa điểm Km5+404 đến Km9+22 (cồn Mương Ranh xã Giai Xuân) tỉnh lộ 918, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Hợp đồng vay vốn đầu tư số 42/2017-HĐCVDADT/NHCT2 ngày 14 tháng 08 năm 2017. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Bù đắp vốn tự có đã đầu tư dự án Trụ sở làm việc Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2". Thời hạn là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 41/KHDN/2017 gồm ngày 1 tháng 08 năm 2017: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với tại số 366C hẻm 366, đường Cách Mạng Tháng 8, Khu vực 3, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Trị giá tài sản thế chấp là 5.188.000.000 đồng.
- Hợp đồng vay vốn đầu tư số 090201/2018-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CAP NUOC CAN THO 2 ngày 12 tháng 02 năm 2018. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Thi công đào lắp đặt tuyến ống nước D.300 gang và D.315 HDFE tại đường Đinh Công Chánh - Từ cầu Bình Thủy 2 đến cầu Bình Thủy 3 phường Long Hòa, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ". Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp động sản số 090201/2018/HĐBĐ/NHCT820-CTY CAP NUOC CAN THO 2 ngày 12 tháng 02 năm 2018: Tài sản hình thành trong tương lai - Tuyến ống nước D.300 gang và D.315 HDFE tại đường Đinh Công Chánh - Từ cầu Bình Thủy 2 đến cầu Bình Thủy 3, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng vay vốn đầu tư số 290302/2018-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CAP NUOC CAN THO 2 ngày 02 tháng 04 năm 2018. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "*Cải tạo sửa chữa tuyến ống nước thô sông Hậu Nhà máy cấp nước Cần Thơ 2 tại phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ*". Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp động sản số 290301/2017/HĐBBĐ/NHCT820-CTY CAP NUOC CAN THO 2 ngày 02 tháng 11 năm 2018: Tuyến ống cấp nước thô sông Hậu Nhà máy nước Cần Thơ 2 tại địa điểm phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Hợp đồng cho vay số 71/2018-HĐCVTL/NHCT820-CTY CAP NUOC CAN THO 2 ngày 27 tháng 07 năm 2018. Mục đích vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ để mua 2.500 đồng hồ nước theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 05/18/CNCT2-NTP và các phụ lục kèm theo. Thời hạn là 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp động sản số 72/2018/HĐBBĐ/NHCT820-CTY CAP NUOC CAN THO 2 ngày 26 tháng 07 năm 2018 là 2.500 đồng hồ đo nước 15 ly. Chi tiết tài sản thế chấp theo biên bản thỏa thuận hợp đồng ngày 04 tháng 06 năm 2018, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 05/18/CNCT2-NTP ngày 04 tháng 06 năm 2018 và các phụ lục kèm theo (nếu có) được ký giữa Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 và Công ty TNHH Thương mại N.T.P.
- Hợp đồng vay vốn đầu tư số 044/2019-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 10 tháng 06 năm 2019. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "*Nâng cấp cải tạo mạng lưới cấp nước năm 2019 NCCT-1 tại quận Ninh Kiều và quận Bình Thủy*". Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp động sản số 053/2019/HĐBBĐ/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 07 tháng 06 năm 2019: Tuyến ống nước theo gói thầu nâng cấp và cải tạo mạng lưới cấp nước năm 2019 NCCT-1 tại quận Ninh Kiều và quận Bình Thủy TP. Cần Thơ.
- Hợp đồng vay vốn đầu tư số 072/2019-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 20 tháng 08 năm 2019. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "*Nâng cấp, cải tạo mạng lưới cấp nước năm 2019 NCCT-2 tại quận Ninh Kiều và quận Bình Thủy*". Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp động sản số 077/2019/HĐBBĐ/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 15 tháng 08 năm 2019: Tuyến ống nước theo gói thầu nâng cấp, cải tạo mạng lưới cấp nước năm 2019 NCCT-2 tại quận Ninh Kiều và quận Bình Thủy TP. Cần Thơ.
- Hợp đồng vay vốn đầu tư số 061/2019-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 15 tháng 07 năm 2019. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "*Mua đồng hồ đo nước*". Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp động sản số 070/2019/HĐBBĐ/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 12 tháng 07 năm 2019: Các đồng hồ đo nước theo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2019 số 687/KH-CNCT 2 ngày 17 tháng 12 năm 2018 gồm 4.000 đồng hồ có DN15, 40 đồng hồ điện từ DN25, 15 đồng hồ điện từ DN40, 20 đồng hồ điện từ DN50 và 07 đồng hồ DN100.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng vay vốn đầu tư số 091/2019-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 19 tháng 09 năm 2019. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "*Mua sắm vật tư sửa chữa mạng lưới cấp nước*". Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp động sản số 096/2019/HĐBĐ/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 13 tháng 09 năm 2019: Vật tư sửa chữa mạng lưới cấp nước, 15 đồng hồ điện từ DN40, 20 đồng hồ điện từ DN50 và 07 đồng hồ DN100.
- Hợp đồng vay vốn đầu tư số 085/2019-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 16 tháng 09 năm 2019. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "*Xây dựng hệ thống lưới chắn rác xung quanh trạm bơm cấp I rạch Khai Luông*". Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp động sản số 090/2019/HĐBĐ/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 13 tháng 09 năm 2019: Lưới chắn rác trạm bơm cấp I rạch Khai Luông nhà máy cấp nước Cần Thơ 2.
- Hợp đồng vay vốn đầu tư số 095/2019-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 10 tháng 10 năm 2019. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "*Mua đồng hồ siêu âm kẹp và máy bơm 75Kw*". Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp động sản số 109/2019/HĐBĐ/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 09 tháng 10 năm 2019: Đồng hồ siêu âm kẹp và máy bơm trực đứng 75Kw.
- Hợp đồng vay vốn đầu tư số 078/2019-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 11 tháng 12 năm 2019. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "*Mở rộng văn phòng và xây dựng nhà kho lưu trữ Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2*". Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp động sản số 083/2019/HĐBĐ/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 10 tháng 12 năm 2019: Văn phòng và kho lưu trữ của Công ty tại địa chỉ số 366C, Cách mạng tháng tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Hợp đồng cho vay hạn mức số 045/2020-HĐCVHM/NHCT820-CTY CAP NUOC CAN THO 2 ngày 10 tháng 06 năm 2020. Mục đích vay để Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay tín chấp, không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay vốn đầu tư số 057/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 18 tháng 06 năm 2020. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án mua đồng hồ nước. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp động sản số 055/2020/HĐBĐ/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 17 tháng 06 năm 2020, bao gồm: Các đồng hồ đo nước theo hợp đồng mua bán hàng hóa của Công ty Cổ phần Công nghệ Bách Việt số B19180/BV-CT/S072 ngày 11 tháng 02 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng vay vốn đầu tư số 058/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 18 tháng 06 năm 2020. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án sửa chữa mạng lưới nước. Thời hạn vay là 18 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp động sản số 056/2020/HĐBĐ/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 17 tháng 06 năm 2020, bao gồm: Tất cả các hàng hóa theo hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Gia Bảo số 16/HĐMB-20 ngày 21 tháng 04 năm 2020 và số 07/HĐMB-20 ngày 21 tháng 02 năm 2020.
- Hợp đồng vay vốn đầu tư số 088/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 27 tháng 08 năm 2020. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án công trình gói thầu mở rộng nâng cấp cải tạo mạng lưới cấp nước năm 2020 tại quận Ninh Kiều và Bình Thủy. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp động sản số 081/2020/HĐBĐ/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 25 tháng 08 năm 2020, bao gồm: Các tuyến ống nước thuộc Dự án công trình gói thầu mở rộng nâng cấp cải tạo mạng lưới cấp nước năm 2020 tại quận Ninh Kiều và Bình Thủy.
- Hợp đồng vay vốn đầu tư số 089/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 27 tháng 08 năm 2020. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án mua đồng hồ đo nước theo kế hoạch năm 2020 lần 2. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp động sản số 082/2020/HĐBĐ/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 25 tháng 08 năm 2020, bao gồm: Các đồng hồ đo nước và máy bơm tua bin trực đứng 110 KW theo hợp đồng mua bán hàng hóa của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng số 103/HĐKD-20 ngày 06 tháng 07 năm 2020.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 090/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 27 tháng 08 năm 2020. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án mua máy bơm nước 110 KW. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp động sản số 082/2020/HĐBĐ/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 25 tháng 08 năm 2020, bao gồm: Các đồng hồ đo nước và máy bơm tua bin trực đứng 110 KW theo hợp đồng mua bán hàng hóa của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng số 103/HĐKD-20 ngày 06 tháng 07 năm 2020.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 099/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 13 tháng 11 năm 2020. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án mua máy bơm 75 KW. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp động sản số 095/2020/HĐBĐ/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 12 tháng 11 năm 2020, bao gồm: Máy bơm tua bin trực đứng 75KW theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 12/2020/HĐ-VTT với Công ty TNHH MTV Việt Tân Tiến ngày 02 tháng 07 năm 2002.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 122/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 13 tháng 11 năm 2020. Mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án đầu tư mua sắm bàn ghế làm việc, quầy tiếp khách hàng theo kế hoạch năm 2020. Thời hạn vay là 18 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp động sản số 112/2020/HĐBĐ/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 12 tháng 11 năm 2020, bao gồm: Bàn ghế làm việc, quầy tiếp khách hàng theo hợp đồng mua bán số 39/HĐKT ngày 24 tháng 07 năm 2020 với DNTN Sản xuất Thương mại Dịch vụ Trúc Phương.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iii) Các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ theo các hợp đồng như sau:
- Hợp đồng vay số 03/2018VCBCT ngày 31 tháng 01 năm 2018. Mục đích vay để bù đắp chi phí đầu tư hệ thống cấp nước D.300 gang, D.315 và D110 HDPE (Bên trái đường Võ Văn Kiệt - Từ cầu Bình Thủy 2 đến Cảng hàng không Quốc tế Cần Thơ, phường Long Hòa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ). Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 05/2018/VCBCT ngày 29 tháng 01 năm 2018: Tuyến ống cấp nước D.300 gang, D.315 và D110 HDPE (Bên trái đường Võ Văn Kiệt - Từ cầu Bình Thủy 2 đến Cảng hàng không Quốc tế Cần Thơ, phường Long Hòa, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ).
 - Hợp đồng vay số 09/DN/TDH/2018 ngày 25 tháng 05 năm 2018. Mục đích vay để bù đắp chi phí đầu tư tài sản cố định. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 11/DN/BD/2018 ngày 25 tháng 05 năm 2018: Đầu kéo bơm ly tâm trục đứng loại tuốc bin, hiệu ABCI, công suất 1.200m³/h - 1.400m³/h; Guồng bơm ly tâm hiệu ABCI, model VAB349/1 và motor trục đứng chuyên dùng cho bơm tuốc bin, hiệu ABCI, công suất 160Kw.
 - Hợp đồng vay số 15/VCBCT ngày 30 tháng 11 năm 2016. Mục đích vay để bù đắp chi phí đầu tư tài sản cố định, nâng cấp mạng lưới cấp nước. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 51/2016/VCBCT ngày 30 tháng 11 năm 2016: Tuyến ống nước D300 gang và D63 HDPE - Giai đoạn I: từ Km1+200 (Cầu Bình thủy 2) đến Km5+404, tỉnh lộ 918, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
 - Hợp đồng vay số 14/VCBCT ngày 10 tháng 11 năm 2016. Mục đích vay để bù đắp chi phí đầu tư tài sản cố định, nâng cấp mạng lưới cấp nước. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 48/2016/VCBCT ngày 09 tháng 11 năm 2016: Tuyến ống nước D300 gang và D63 HDPE - Giai đoạn I: từ Km1+200 (Cầu Bình thủy 2) đến Km5+404, tỉnh lộ 918, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ; Hệ thống bơm ly tâm trục đứng loại tuốc bin - Italia 1200 - 1400 m³/h; Tủ biến tần điều khiển 1 máy bơm - Trạm bơm cấp 2 - Công suất 110Kw/3pha/380V/50Hz; Tủ biến tần điều khiển 01 máy bơm - Trạm bơm cấp 2 - Cùm 40.000m³/ ngày đêm - Công suất 200Kw/3pha/380V/50Hz - Kèm vật tư ngoài tủ; Bơm ly tâm trục đứng loại tuốc bin - Hiệu ABCI - Model VAB 302/1 Công suất motor 75KW; Hệ thống SCADA trung tâm giám sát và điều khiển toàn cùm 10.000 m³/ngày đêm và cùm 40.000 m³/ngày đêm; Tuyến ống cấp nước D300 gang, D315 và D110 HDPE bên trái Quốc lộ 91B - Từ cầu Hàng Bàng đến cầu Bình Thủy 3, phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ; Tuyến ống cấp nước D300 gang, D315 và D110 HDPE từ đường Nguyễn Văn Cừ đến Khu dân cư thuộc khu đô thị hai bên đường Nguyễn Văn Cừ nối dài, phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ; Tuyến ống cấp nước D300 gang, D315 và D110 HDPE bên phải Quốc lộ 91B - Từ cầu Hàng Bàng đến cầu Ông Tường, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
 - Hợp đồng vay số 126/DN/TDH/2018 ngày 16 tháng 10 năm 2018. Mục đích vay để thanh toán chi phí đầu tư công trình "*Trạm tăng áp Long Hòa*". Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 47/VCBCT/2018 ngày 15 tháng 10 năm 2018: Bể chứa nước sạch 3.000 m³ và trạm bơm tại phường Long Hòa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng vay số 86/DN/TDH/2020 ngày 27 tháng 08 năm 2020. Mục đích vay để thanh toán chi phí đầu tư công trình "*Trạm tăng áp Long Hòa*". Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 121/VCBCT/2020 ngày 24 tháng 08 năm 2020, bao gồm: Thiết bị đo độ đục 0-1000NTU; Nâng cấp trạm bơm cấp I, hệ 10.000 m³; Nâng cấp cụm hóa chất hệ 10.000 m³; 02 Bộ biến tần 37 KW - 3 pha; Biến tần 37 KW - 3 pha + CB + Dây đồng + Đầu cos; Biến tần 75 KW - 3 pha; Biến tần 110 KW - 3 pha + CB + Dây đồng + Đầu cos; Máy bơm tua bin trực đứng 37 KW; Bộ chuyển đổi Clo (Cụm 10.000 và 40.000); Tổ máy phát điện; Thiết bị đo độ đục nước thô; Thiết bị đo độ đục nước sạch.

- (iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng cho vay hạn mức số 045/2020-HĐCVHM/NHCT820-CTY CAP NUOC CAN THO 2 ngày 10 tháng 06 năm 2020. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức là từ ngày 10 tháng 06 năm 2020 đến ngày 31 tháng 05 năm 2021. Khoản vay tín chấp không có tài sản đảm bảo.

Tình hình biến động các khoản vay trong năm như sau:

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả trong năm	Vay dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	14.754.939.807	6.802.513.157	(18.354.676.135)	13.806.595.018	17.009.371.847
Vay ngân hàng	2.339.434.679	6.802.513.157	(5.939.171.007)	-	3.202.776.829
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ	2.339.434.679	6.802.513.157	(5.939.171.007)	-	3.202.776.829
Vay dài hạn đến hạn trả	12.415.505.128	-	(12.415.505.128)	13.806.595.018	13.806.595.018
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ	3.367.505.128	-	(3.367.505.128)	4.246.595.018	4.246.595.018
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	9.048.000.000	-	(9.048.000.000)	9.560.000.000	9.560.000.000
Vay dài hạn	32.787.496.528	21.097.215.909	(7.840.629.312)	(13.806.595.018)	32.237.488.107
Vay ngân hàng	32.787.496.528	21.097.215.909	(7.840.629.312)	(13.806.595.018)	32.237.488.107
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	19.717.650.804	17.134.215.909	(7.437.629.312)	(4.246.595.018)	25.167.642.383
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	13.069.845.724	3.963.000.000	(403.000.000)	(9.560.000.000)	7.069.845.724
Cộng	47.542.436.335	27.899.729.066	(26.195.305.447)	-	49.246.859.954

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Vốn chủ sở hữu****13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>Năm trước</i>				
Số dư đầu năm	117.733.160.000	4.352.164.603	12.183.402.061	134.268.726.664
Lợi nhuận năm	-	-	15.993.581.988	15.993.581.988
Trích quỹ trong năm	-	1.098.914.241	-	1.098.914.241
Chia cổ tức	-	-	(12.183.402.061)	(12.183.402.061)
Số dư cuối năm	117.733.160.000	5.451.078.844	15.993.581.988	139.177.820.832
<i>Năm nay</i>				
Số dư đầu năm	117.733.160.000	5.451.078.844	15.993.581.988	139.177.820.832
Lợi nhuận trong năm	-	-	20.975.812.392	20.975.812.392
Số dư cuối năm	117.733.160.000	5.451.078.844	36.969.394.380	160.153.633.224

13b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.773.316	11.773.316
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.773.316	11.773.316
- Cổ phiếu phổ thông	11.773.316	11.773.316
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.773.316	11.773.316
- Cổ phiếu phổ thông	11.773.316	11.773.316

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

13c. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán nước	99.012.971.016	95.356.234.001
Doanh thu lắp đặt	2.486.534.454	2.170.735.543
Doanh thu chuyển nhượng vật tư	226.607.637	91.632.621
Doanh thu công trình khách hàng	1.209.927.342	627.711.216
Doanh thu khác	41.243.614	27.052.507
Cộng	102.977.284.063	98.273.365.888

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán nước	58.934.762.867	57.777.421.347
Giá vốn lắp đặt	2.219.055.352	1.997.919.687
Giá vốn chuyển nhượng vật tư	194.786.280	83.747.023
Giá vốn công trình khách hàng	1.072.628.133	608.611.128
Cộng	62.421.232.632	60.467.699.185

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi không kỳ hạn.

4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	9.211.427.082	9.103.431.001
Chi phí vật liệu quản lý	-	276.644.318
Chi phí đồ dùng văn phòng	301.397.002	348.762.504
Chi phí khấu hao tài sản cố định	566.525.340	398.417.088
Thuế, phí và lệ phí	75.083.215	60.757.676
Các chi phí bằng tiền khác	2.818.565.986	4.266.627.619
Cộng	12.972.998.625	14.454.640.206

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phí bảo vệ môi trường giữ lại	265.186.321	132.056.623
Thu nhập khác	355.415.111	13.888.657
Cộng	620.601.432	145.945.280

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khác	57.781.210	44.423.934
Cộng	57.781.210	44.423.934

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	20.975.812.392	15.993.581.988
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.975.812.392	15.993.581.988
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	11.773.316	11.773.316
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.782	1.358

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.773.316	11.773.316
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tăng trong năm	11.773.316	11.773.316
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.773.316	11.773.316

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.118.243.477	6.411.712.755
Chi phí nhân công	26.469.272.738	25.564.833.386
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.144.433.911	17.194.343.707
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.594.018.783	17.814.551.171
Chi phí khác	5.660.817.667	8.038.842.995
Cộng	74.986.786.576	75.024.284.014

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan mật thiết với các cá nhân này và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt chỉ bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương, thù lao và các khoản thưởng với tổng tiền lương trong năm là 2.650.346.752 đồng (cùng kỳ năm trước là 2.879.126.015 đồng).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Công ty	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nước sạch Số 3 Hà Nội	Cổ đông

Giao dịch với các bên liên quan khác

Trong năm Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các bên liên quan.

2. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

2a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.021.362.996	-	5.021.362.996
Phải thu khách hàng	1.640.587.114	-	1.640.587.114
Các khoản phải thu khác	5.746.343.985	-	5.746.343.985
Cộng	12.408.294.095	-	12.408.294.095
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.685.092.636	-	1.685.092.636
Phải thu khách hàng	1.094.687.361	-	1.094.687.361
Các khoản phải thu khác	3.637.689.323	-	3.637.689.323
Cộng	6.417.469.320	-	6.417.469.320

2b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp ở mức mà Ban Giám đốc Công ty mẹ cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Số cuối năm			
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.021.362.996	-	5.021.362.996
Phải thu khách hàng	1.640.587.114	-	1.640.587.114
Phải thu khác	5.746.343.985	-	5.746.343.985
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Tổng cộng	12.408.294.095		12.408.294.095
Số đầu năm			
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.685.092.636	-	1.685.092.636
Phải thu khách hàng	1.094.687.361	-	1.094.687.361
Phải thu khác	1.558.310.323	2.079.379.000	3.637.689.323
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Tổng cộng	4.338.090.320	2.079.379.000	6.417.469.320
Số đầu năm			
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.702.085.815	-	4.702.085.815
Vay và nợ thuê tài chính	14.754.939.807	32.787.496.528	47.542.436.335
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	443.667.780	-	443.667.780
Tổng cộng	19.900.693.402	32.787.496.528	52.688.189.930
Chênh lệch thanh khoản thuần	(11.291.040.569)	(32.237.488.107)	(43.528.528.676)
Số đầu năm			
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.685.092.636	-	1.685.092.636
Phải thu khách hàng	1.094.687.361	-	1.094.687.361
Phải thu khác	1.558.310.323	2.079.379.000	3.637.689.323
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Tổng cộng	4.338.090.320	2.079.379.000	6.417.469.320
Số đầu năm			
<i>Giá trị ghi sổ</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.702.085.815	-	4.702.085.815
Vay và nợ thuê tài chính	14.754.939.807	32.787.496.528	47.542.436.335
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	443.667.780	-	443.667.780
Tổng cộng	19.900.693.402	32.787.496.528	52.688.189.930
Chênh lệch thanh khoản thuần	(15.562.603.082)	(30.708.117.528)	(46.270.720.610)

Hiện Công ty có khả năng thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn.

2c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ bao gồm rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Địa chỉ: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2d. Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**Tài sản tài chính**

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.021.362.996	-	1.685.092.636	-
Phải thu khách hàng	1.640.587.114	-	1.094.687.361	-
Các khoản phải thu khác	5.746.343.985	-	3.637.689.323	-
Cộng	12.408.294.095	-	6.417.469.320	-

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	5.418.796.589	4.702.085.815
Vay	49.246.859.954	47.542.436.335
Các khoản phải trả khác	1.271.166.228	443.667.780
Cộng	55.936.822.771	52.688.189.930

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 03 năm 2021


NGUYỄN PHƯƠNG THẢO
Người lập biểu


LÊ THUY NGÂN
Kế toán trưởng


TRẦN THANH PHONG
Giám đốc

